TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2018/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 24 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa:

- **Người yêu cầu:** Ông **Trần Trọng Đinh T,** sinh năm: 1976

Trú tại: Tổ 97, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

- **Người yêu cầu:** Bà **Phạm Thị Thu A**, sinh năm: 1979

Trú tại: Tổ 97, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Trọng Đinh T và bà Phạm Thị Thu A. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/99 do UBND phường L,*

thành phố Q, tỉnh B ký ngày 04/6/1999 đã cấp cho ông Trần Trọng Đinh T và bà Phạm Thị Thu A không còn giá trị pháp lý).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trọng Đinh T và bà Phạm Thị Thu A thống nhất thuận tình ly hôn;

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Trọng Đinh T và bà Phạm Thị Thu A xác định có 02 con chung là cháu Trần Phúc N, sinh ngày: 18/02/2001 và cháu Trần Minh N, sinh ngày: 24/12/2012. Ly hôn, ông T và bà A thỏa thuận thống nhất giao cháu Trần Phúc N cho ông Trọng nuôi dưỡng, giao cháu Trần Minh N cho bà A nuôi dưỡng. Cả hai không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có;

- Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng ông T, bà A thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 008436 ngày 25/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

PHÙNG ANH DŨNG